| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN BẢO YÊN**<br>**TỈNH LÀO CAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 17/2023/HNGĐ -ST
Ngày: 12/4/2023
*V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN - TỈNH LÀO CAI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Vũ Quang Đại
*Các Hội thẩm nhân dân*:
1. Bà Phạm Thị Dung
2. Bà Đinh Thị Út

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Phan Quốc Vương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 12/4/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2023/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lý Ngọc T – Sinh năm 1991

Trú tại: Bản v, xã XT, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị Đặng Thị Đ – Sinh năm 1991

Trú tại: Bản v, xã XT, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai (Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai tiếp theo nguyên đơn anh Lý Ngọc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lý Ngọc T và chị Đặng Thị Đ đăng ký kết hôn tại UBND xã XT, huyện Bảo Yên vào ngày 16 tháng 11 năm 2011. Sau khi đăng ký kết hôn anh T và chị Đ chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh chị không hợp nhau, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau về phương thức phát triển kinh tế gia đình. Sự việc đã được hàng xóm láng giềng khuyên bảo nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng giữa anh chị không khắc phục được. Từ tháng 12 năm 2021 anh T và chị Đ sống đã ly thân, từ đó anh chị không còn quan tâm đến nhau nữa. Xác định không thể tiếp tục chung sống với chị Đón, anh T khởi kiện yêu cầu được ly hôn chị Đ.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung: Cháu Lý Minh K – Sinh ngày 14 tháng 10 năm 2009 và cháu Lý Quốc K – Sinh ngày 01 tháng 9 năm 2017.

Sau khi ly hôn anh T có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Lý Minh K đề nghị Tòa án giao cháu Lý Quốc K không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung anh chị không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ, nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án, bị đơn không tự khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ, không tham gia phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo yêu cầu của Tòa án. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Anh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn chị Đặng Thị Đ. Chị Đ cư trú tại huyện Bảo Yên, vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn không hợp tác với Tòa án, không tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ , không tham gia phiên tòa vì thế Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã XT, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị Đ là hợp pháp. Sau kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc, do mâu thuẫn vợ chồng, dẫn đến hai vợ chồng anh chị thường xuyên bất hòa. Trong quá trình giải quyết vụ án anh T đã cung cấp được

chứng cứ xác định được cuộc sống vợ chồng giữa anh chị không hạnh phúc. Anh T và chị Đ đã ly thân từ cuối năm 2021 đến nay anh chị không còn quan tâm đến nhau nữa. Cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T là phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án anh T đã cung cấp được chứng cứ anh T và chị Đ đều có thu nhập ổn định. Tại biên bản lấy ý kiến của cháu Lý Minh K, cháu K có nguyện vọng được sống cùng anh T sau khi anh T và chị Đ ly hôn.

Cần giao cháu Lý Minh K – Sinh ngày 14 tháng 10 năm 2009 cho anh T, giao cháu cháu Lý Quốc K – Sinh ngày 01 tháng 9 năm 2017 cho chị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc , giáo dục nuôi dưỡng đến kho các cháu đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] .Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định

Vì các lẽ trên

## QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, 57, 81,82,83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

**1. Về quan hệ hôn nhân:**

Xử cho anh Lý Ngọc T được ly hôn chị Đặng Thị Đ.

**2. Về con chung:**

Giao cháu Lý Minh K – Sinh ngày 14 tháng 10 năm 2009 cho anh Lý Ngọc T, giao cháu Lý Quốc K – Sinh ngày 01 tháng 9 năm 2017 cho chị Đặng Thị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc , giáo dục nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T và chị Đ có quyền thăm nom con chung. Không ai được cản trở.

**3. Về án phí:**

Anh Lý Ngọc T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001564 ngày 11 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc bản án được niêm yết.

| TV HỘI ĐỒNG XÉT XỬ | THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA |
| --- | --- |
| **Đinh Thị Út – Phạm Thị Dung** | **Vũ Quang Đại** |

**Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện (2);
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã XT;
- Các đương sự (2);
- Lưu Hsơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

**Vũ Quang Đại**